

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**



ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: ĐỊA LÝ HỌC

MÃ NGÀNH: 7310501

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: ĐỊA LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

HÀ NỘI – 2025

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2025

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Địa lý học

Mã ngành đào tạo: 7310501

Chương trình đào tạo: Địa lý Tài nguyên và Môi trường

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Kính gửi: - Ban Giám hiệu Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Phòng Đào tạo.

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN)
- Tên tiếng Anh: Hanoi National University of Education (HNUE)
- Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Năm thành lập: 1951. Loại hình trường: Công lập
- Địa chỉ: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại: (844) 7547823. Số fax: (844) 7547971
- Email: p.hcdn@hnue.edu.vn. Website: <https://www.hnue.edu.vn>
- Sứ mạng: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là trường trọng điểm quốc gia, đào tạo nhà giáo, nhà khoa học và chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình đào tạo, hợp tác đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu có chất lượng cao.
- Tầm nhìn: Đến năm 2045, Nhà trường trở thành Đại học Sư phạm trọng điểm đa ngành, đa lĩnh vực hàng đầu trong khu vực và có vị thế cao trên thế giới.
- Triết lý giáo dục: Đào tạo nhà giáo, nhà khoa học và chuyên gia xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng.
- Giá trị cốt lõi: Chuẩn mực- Sáng tạo – Tiên phong.
- Chuẩn mực:** Là thước đo về nhân cách, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, năng lực giáo dục của mỗi giảng viên, sinh viên, học viên của Trường trong quá trình đào tạo và hoạt động thực tiễn nghề nghiệp.
- Sáng tạo:** Là tinh thần khám phá cái mới, tìm kiếm những những vấn đề thiết thực, chưa có trong thực tiễn bằng các giải pháp khoa học và lan truyền tinh thần này đối với người học và xã hội.
- **Tiên phong:** Là tinh thần hành động của Nhà trường để đạt được khả năng phụng sự cao nhất, khả năng dẫn dắt cho hệ thống giáo dục và cho toàn xã hội, giải quyết những vấn đề mà thời đại đòi hỏi và có tầm tư vấn chiến lược cho các cấp quản lý.

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chính thức được thành lập ngày 11/10/1951 theo Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục. Trải qua 74 năm phát triển, Nhà trường đã đào tạo hàng vạn thạc sĩ, hơn 2.000 tiến sĩ. Hiện nay, Nhà trường đang đảm nhiệm đào tạo: 57 chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, trong đó có 07 chương trình chất lượng cao và 07 chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh; 32 chương trình đào tạo trình độ đại học hệ không chính quy; 54 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ; 44 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Tổng số cán bộ, viên chức của Trường ĐHSPh Hà Nội là 1.024 viên chức, người lao động. Trong đó có 11 Giáo sư; 125 Phó Giáo sư; 434 Tiến sĩ (gồm cả Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ là Giáo sư, Phó Giáo sư); 385 Thạc sĩ; Giảng viên: 633; Giáo viên các bậc phổ thông: 108; Giáo viên thực hành: 33; Chuyên viên và các chức danh khác: 250. Hiện nay, Trường ĐHSPh Hà Nội có 18 Khoa, 16 Phòng/ban, Trung tâm; Trường Toán học và Công nghệ thông tin; Trường Khoa học Giáo dục; Trường Khoa học Phát triển trẻ thơ; Trường Mầm non Búp Sen Xanh, Trường Tiểu học Thực hành Nguyễn Tất Thành; Trường THCS Năng khiếu ĐHSPh; Trường THCS & THPT Nguyễn Tất Thành; Trường THPT Chuyên ĐHSPh; 03 Viện nghiên cứu, đào tạo; Nhà xuất bản ĐHSPh; Phân hiệu Trường ĐHSPh Hà Nội tại Ninh Bình.

Với trọng trách là trường đại học trọng điểm của ngành giáo dục, có thể mạnh cả trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội luôn tiên phong, chủ động nắm bắt cơ hội trong tiến trình đổi mới giáo dục hiện nay. Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo giáo viên cho các trường phổ thông, các trường đại học sư phạm, Nhà trường đã thích ứng với bối cảnh đổi mới của nền kinh tế thị trường và yêu cầu tự chủ đại học. Đồng thời, sự phát triển toàn diện của giáo dục – khoa học cùng những cơ hội nghề nghiệp ngày càng mở rộng đã làm cho việc triển khai hệ cử nhân trong các chương trình đào tạo của trường đại học sư phạm trở nên cần thiết.

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã thành lập Hội đồng trường và được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học. Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế tài chính, đồng thời xây dựng chính sách bảo đảm chất lượng đáp ứng các tiêu chuẩn do Nhà nước quy định. Trường thực hiện phân quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị và cá nhân; đồng thời công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp cùng các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Giới thiệu về khoa Địa lí

Khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được thành lập từ năm 1956. Trải qua gần 70 năm xây dựng và phát triển, Khoa luôn giữ vai trò là đơn vị đào tạo giáo viên Địa lí trình độ đại học và sau đại học lớn nhất cả nước. Hiện nay, Khoa có tổng cộng 29 cán bộ, trong đó có 27 giảng viên (6 phó giáo sư, 18 tiến sĩ và 3 thạc sĩ) và 2 chuyên viên. Đội ngũ cán bộ của Khoa đang ở giai đoạn “cơ cấu cán bộ vàng”, là lực lượng có trình độ và năng lực chuyên môn cao, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của giáo dục đại học trong thời kỳ đổi mới. Khoa gồm 4 bộ môn: Địa lí Tự nhiên; Địa lí Kinh tế - Xã hội; Lí luận và Phương pháp Dạy học Địa lí; Bản đồ - Viễn thám và GIS.

Về đào tạo, ở bậc đại học, Khoa hiện có 2 ngành: Cử nhân Sư phạm Địa lí và Cử nhân Sư phạm Địa lí chất lượng cao. Ở bậc sau đại học, Khoa đào tạo thạc sĩ với 4 chuyên

ngành: Địa lí Tự nhiên, Địa lí học, Lí luận và Phương pháp Dạy học Địa lí, Bản đồ - Viễn thám và GIS, đồng thời đào tạo tiến sĩ với 3 chuyên ngành: Địa lí Tự nhiên, Địa lí học và Lí luận - Phương pháp Dạy học Địa lí. Tính đến nay, Khoa đã và đang đào tạo 75 khóa cử nhân, 35 khóa thạc sĩ và 45 khóa tiến sĩ, khẳng định bề dày kinh nghiệm và uy tín trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Địa lí tại Việt Nam.

Cùng với nhiệm vụ đào tạo, công tác nghiên cứu khoa học của Khoa Địa lí cũng không ngừng được đẩy mạnh và đạt nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Đội ngũ giảng viên của Khoa đã và đang chủ trì, tham gia nhiều đề tài nghiên cứu các cấp, trong đó có các đề tài Nafosted và đề tài cấp Bộ - những minh chứng quan trọng cho tiềm lực nghiên cứu của Khoa. Cụ thể, Khoa có 02 đề tài Nafosted: Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu vệ tinh Sentinel trong giám sát môi trường tại thành phố Hạ Long và Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh (mã số 105-08-2018.302) do PGS.TS. Đặng Vũ Khắc chủ nhiệm; Phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên phổ thông trong bối cảnh giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam (mã số 503.01-2020.302) do TS. Nguyễn Phương Thảo chủ nhiệm. Bên cạnh đó, 02 đề tài cấp Bộ do PGS.TS. Đào Ngọc Hùng chủ nhiệm cũng được triển khai thành công, gồm: Đánh giá nguy cơ sốc nhiệt và đề xuất các giải pháp thích ứng cho cộng đồng ở Đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu; Xây dựng kịch bản hạn khí tượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho khu vực cửa sông Tiền (Đồng bằng sông Cửu Long) trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Ngoài các đề tài nghiên cứu, nhiều giảng viên của Khoa còn tham gia biên soạn các mục từ thuộc Quyển 6: Địa lí học, Địa lí thế giới trong khuôn khổ Đề án Biên soạn Bách khoa Toàn thư Việt Nam (triển khai từ năm 2017), qua đó khẳng định uy tín học thuật và năng lực chuyên môn của đội ngũ trong các hoạt động khoa học cấp quốc gia. Bên cạnh đó, một số giảng viên còn giữ vai trò thành viên và thành viên chính trong các đề tài cấp Nhà nước, cũng như các dự án hợp tác quốc tế do Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và nhiều cơ sở giáo dục đại học khác chủ trì, góp phần mở rộng mạng lưới hợp tác nghiên cứu và nâng cao vị thế khoa học của Khoa.

Số lượng công bố khoa học của giảng viên Khoa Địa lí đã tăng lên rõ rệt trong ba năm gần đây, với trung bình khoảng 10 bài báo quốc tế/năm và 40 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội thảo trong nước/năm, cho thấy sự phát triển mạnh mẽ và bền vững về chất lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên. Bên cạnh đó, Khoa đã tổ chức và đồng tổ chức nhiều hội nghị nghiên cứu và giảng dạy Địa lí ở quy mô quốc tế và quốc gia. Tiêu biểu là Hội nghị Địa lí Đông Nam Á (SEAGA 2010) với sự tham gia của một số trường đại học trên thế giới, cùng sự góp mặt của các viện nghiên cứu chuyên ngành và đông đảo các nhà khoa học trong lĩnh vực Địa lí trên cả nước. Khoa cũng là thành viên Ban Tổ chức và Ban Biên tập Hội nghị Khoa học Địa lí Toàn quốc lần thứ 12 (2021), lần thứ 13 (2022), lần thứ 14 (2024) và lần thứ 15 (2025), qua đó tiếp tục khẳng định vai trò tích cực và uy tín chuyên môn trong cộng đồng khoa học địa lí Việt Nam.

Về hợp tác quốc tế, nhờ các chương trình hợp tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đội ngũ giảng viên Khoa Địa lí không ngừng được nâng cao về trình độ chuyên môn, năng lực giảng dạy và nghiên cứu. Trong nhiều

năm qua, các giảng viên của Khoa đã được cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, tham gia trao đổi học thuật và hợp tác nghiên cứu tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Cùng với định hướng tăng cường hội nhập quốc tế của Nhà trường, Khoa Địa lí đã thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trên thế giới, tiêu biểu như: Khoa Địa lí - Đại học Tổng hợp Sydney (Úc); Đại học Tổng hợp Khon Kaen (Thái Lan); Viện Nghiên cứu Vùng và Đô thị Na Uy (NIBR); Khoa Địa lí - Đại học Strasbourg (Pháp); Viện Nghiên cứu Viễn thám Ấn Độ; Đại học Phùng Giáp - Fengchia (Đài Loan); Đại học Münster (Đức); Đại học Kyoto (Nhật Bản); Đại học Montpellier (Pháp); Viện Khảo cứu Cao cấp (Pháp); Viện Nghiên cứu Đông Nam Á Đương đại (Pháp),... Những hoạt động hợp tác quốc tế này đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng lực nghiên cứu, mở rộng cơ hội học thuật và khẳng định uy tín, vị thế của Khoa Địa lí trong khu vực và trên trường quốc tế.

1.3. Cơ sở pháp lý xây dựng đề án đăng kí mở ngành đào tạo

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc Ban hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 6 năm 2022 về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2025 về việc ban hành Quy định Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3980/QĐ-ĐHSPHN, ngày 21/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và được điều chỉnh, bổ sung một số điều theo Quyết định số 1567/QĐ-ĐHSPHN ngày 26/4/2025 của trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Sự phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, cùng với diễn biến ngày càng phức tạp của biến đổi khí hậu, đã khiến vấn đề tài nguyên và môi trường trở thành mối quan tâm cấp bách trên phạm vi toàn cầu. Các nguồn tài

nguyên thiên nhiên, dù hữu hạn hay có khả năng tái tạo, đang chịu áp lực khai thác quá mức, dẫn đến suy thoái nghiêm trọng, đặc biệt là đất, nước, không khí, rừng, biển và khoáng sản. Đồng thời, ô nhiễm môi trường, rác thải, biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các hiện tượng thiên tai bất thường ngày càng tác động mạnh mẽ đến chất lượng sống của con người, đồng thời ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của quốc gia. Trước bối cảnh đó, việc đào tạo nguồn nhân lực ngành Địa lý học, cụ thể là chương trình Địa lý Tài nguyên và Môi trường, trở nên vô cùng cấp thiết và mang tính chiến lược.

Sự cấp thiết của việc đào tạo chương trình này được thể hiện qua việc Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cho phép mở mã ngành đào tạo chuyên ngành Địa lý Tài nguyên và Môi trường ở trình độ thạc sĩ (mã số 8440220) và tiến sĩ (mã số 9440220) theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ban hành ngày 06/06/2022. Tuy nhiên, hiện nay tại Việt Nam, chương trình Địa lý Tài nguyên và Môi trường vẫn chưa được triển khai ở bậc đại học. Đây là một hướng nghiên cứu quan trọng, mang tính liên ngành, tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa con người và các nguồn tài nguyên - môi trường, nhằm khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, các phương pháp và công cụ nghiên cứu của Địa lý học nói chung, cũng như của Địa lý Tài nguyên và Môi trường nói riêng, ngày càng được hiện đại hóa. Trong đó, bản đồ, viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) được ứng dụng hiệu quả trong công tác điều tra, đánh giá, quản lý, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường. Vì vậy, việc mở chương trình đào tạo Địa lý Tài nguyên và Môi trường ở trình độ đại học là một lựa chọn phù hợp và đầy tiềm năng phát triển.

Thứ nhất, chương trình đào tạo trang bị cho người học các kiến thức nền tảng của khoa học Địa lý, bao gồm: cơ sở địa lý tự nhiên; cơ sở địa lý kinh tế - xã hội; địa lý tự nhiên Việt Nam; địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam. Những kiến thức này tạo nền tảng vững chắc cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu về Địa lý Tài nguyên và Môi trường. Các nội dung chuyên sâu của chương trình tập trung vào quá trình hình thành, tiềm năng, hiện trạng, phân bố và biến đổi theo không gian, thời gian của các loại tài nguyên thiên nhiên (địa chất - địa mạo, khoáng sản, khí hậu, đất, nước, sinh vật) cùng các thành phần môi trường trong mối quan hệ chặt chẽ với hoạt động sống của con người. Sinh viên theo học được tiếp cận và sử dụng các công cụ nghiên cứu hiện đại như viễn thám (remote sensing), hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ môi trường, mô hình hóa môi trường đất, nước, không khí... nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và khả năng nghiên cứu khoa học, đặc biệt là kỹ năng phân tích, dự báo và đề xuất giải pháp trong quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

Thứ hai, chương trình đào tạo góp phần hình thành đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và quản lý có trình độ cao, đủ năng lực làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên - môi trường, các doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế. Đây là lực lượng nòng cốt trong việc xây dựng chính sách và triển khai các chương trình hành động nhằm bảo vệ tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới phát triển bền vững theo định hướng của Đảng và Nhà nước. Khi yêu cầu quản lý nhà nước và nhận thức xã hội về môi trường ngày càng nâng cao, các tổ chức, doanh nghiệp phải tuân thủ chặt chẽ hơn các quy định về khai thác, sử dụng tài

nguyên và bảo vệ môi trường. Điều này kéo theo nhu cầu lớn về nhân lực chuyên môn trong đánh giá tác động môi trường, tư vấn quy hoạch sử dụng tài nguyên, xử lý chất thải và phục hồi hệ sinh thái. Kết quả khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực tài nguyên - môi trường cho thấy thị trường việc làm trong lĩnh vực này rất tiềm năng, với nhiều cơ quan, doanh nghiệp đang cần tuyển dụng nhân sự ngành quản lý tài nguyên - môi trường và dự kiến nhu cầu sẽ tăng trong 5 - 10 năm tới. Do đó, Địa lí Tài nguyên và Môi trường không chỉ giữ vai trò quan trọng trong quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường mà còn mở rộng triển vọng nghề nghiệp trong khu vực tư nhân, tổ chức phi chính phủ và dự án quốc tế. Sau khi tốt nghiệp, người học cũng có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ cao hơn (thạc sĩ và tiến sĩ).

Từ thực tế trên, việc đào tạo chương trình Địa lí Tài nguyên và Môi trường trở nên hết sức cấp thiết trước bối cảnh tài nguyên suy thoái, môi trường ô nhiễm, đồng thời góp phần cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.

III. ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH

3.1. Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo

Chi tiết thông tin về ngành Địa lí học (Chương trình đào tạo: Địa lí Tài nguyên và Môi trường):

- Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt/Tiếng Anh): Địa lí học/ Geography.
- Mã ngành đào tạo: 7310501.
- Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt/Tiếng Anh): Địa lí Tài nguyên và Môi trường/ Geography of Natural Resources and Environment.
- Trình độ đào tạo: Đại học.
- Hình thức đào tạo: Chính quy.
- Thời gian đào tạo chính khóa: 4 năm.
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt.
- Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân.
- Khoa quản lý/đào tạo: Địa lí.

3.2. Về đội ngũ giảng viên

Đội ngũ cán bộ của Khoa hiện ở giai đoạn “cơ cấu nhân lực vàng”, có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm giảng dạy cũng như thực tiễn. Họ đủ năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường trong bối cảnh hội nhập và đổi mới giáo dục. Đồng thời, đội ngũ này bảo đảm chất lượng đào tạo, tính kế thừa và sự phù hợp với định hướng phát triển nhân lực chất lượng cao của ngành, đảm bảo chuẩn đầu ra của chương trình.

Tính đến tháng 12 năm 2025, Khoa có tổng cộng 27 giảng viên, trong đó có 06 phó giáo sư, 18 tiến sĩ và 03 thạc sĩ. Các giảng viên đều có chuyên môn đúng và phù hợp để giảng dạy ngành Địa lí học (Chương trình Địa lí Tài nguyên và Môi trường). Chi tiết danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy chương trình Địa lí Tài nguyên và Môi trường được trình bày trong bảng dưới đây.

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm	Học vị, nước tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Học phần/môn học giảng dạy	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
1	Đặng Vũ Khắc, 1970, GVCC	PGS	TS, Pháp	Địa lí tự nhiên	- Cơ sở viễn thám và GIS - Viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường - Phân tích không gian - Hệ thống quản lý thông tin trong quản lý tài nguyên và môi trường	Chủ trì mở ngành
2	Nguyễn Quyết Chiến, 1976, GVCC	PGS	TS, Việt Nam	Địa lí tự nhiên	- Địa lí tự nhiên Việt Nam 1 - Cơ sở địa lí tự nhiên 2	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
3	Đào Ngọc Hùng, 1969, GVCC	PGS	TS, Ucraina	Địa lí tự nhiên	- Cơ sở địa lí tự nhiên 2 - Biến đổi khí hậu và thiên tai - Năng lượng tái tạo và ứng dụng	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
4	Nguyễn Thị Thu Hiền, 1978, GVC		TS, Việt Nam	Địa lí tự nhiên	- Cơ sở địa lí tự nhiên 1 - Các vấn đề toàn cầu về tài nguyên và môi trường	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
5	Vũ Thị Hằng, 1976, GV		TS, Việt Nam	Địa lí tự nhiên	- Cơ sở địa lí tự nhiên 3 - Biến đổi khí hậu và thiên tai - Môi trường và con người	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
6	Đặng Thị Huệ, 1976, GVC		TS, Việt Nam	Địa lí tự nhiên	- Cơ sở Địa lí tự nhiên 3 - Năng lượng tái tạo và ứng dụng	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
7	Bùi Thị Thanh Dung, 1983, GVC		TS, Việt Nam	Địa lí tự nhiên	- Địa lí tự nhiên Việt Nam 1 - Biến đổi khí hậu và thiên tai	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
8	Vũ Thị Thu Thủy, 1988, GV		TS, Nhật Bản	Kỹ thuật địa chất môi trường	- Cơ sở địa lí tự nhiên 1 - Tài nguyên khoáng sản và năng lượng	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
9	Đinh Hoàng Dương, 1993, GV		TS, Việt Nam	Địa lí tự nhiên	- Cơ sở địa lí tự nhiên 2 - Thực địa: Khảo sát tài nguyên và môi trường tại địa phương	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN

					- Môi trường và con người	
10	Nguyễn Tường Huy, 1972, GVC		TS, Úc	Địa lí học	- Quản lý tài nguyên dùng chung - Quản lý tổng hợp tài nguyên biển và ven biển - Quản lý xung đột tài nguyên	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
11	Vũ Thị Mai Hương, 1976, GVC		TS, Việt Nam	Địa lí học	- Cơ sở địa lí kinh tế - xã hội 1 - Khảo sát xã hội trong tài nguyên và môi trường	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
12	Lê Mỹ Dung, 1987, GVC		TS, Việt Nam	Địa lí học	- Kinh tế tài nguyên và môi trường - Cơ sở địa lí kinh tế - xã hội 2	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
13	Ngô Thị Hải Yến, 1976, GVC		TS, Việt Nam	Địa lí học	- Cơ sở về phát triển bền vững - Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
14	Tô Thị Hồng Nhung, 1976, GVC		TS, Việt Nam	Địa lí học	- Luật và chính sách tài nguyên và môi trường - Môi trường nông nghiệp và nông thôn	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
15	Phạm Thị Ngọc Quỳnh, 1986		TS, Úc	Địa lí nhân văn	- Phân tích định tính trong tài nguyên và môi trường - Quản trị dự án tài nguyên và môi trường	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
16	Nguyễn Khắc Anh, 1967, GV		ThS, Việt Nam	Địa lí học	- Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2 - Thực địa: Khảo sát tài nguyên và môi trường tại địa phương	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
17	Trần Thanh Hùng, 1990, GV		ThS, Việt Nam	Địa lí học	- Dịch vụ hệ sinh thái - Môi trường đô thị và khu công nghiệp	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
18	Dương Thị Lợi, 1988, GVCC	PGS	TS, Đài Loan	Địa tin học	- Bản đồ học - Tin học ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường - Cơ sở viễn thám và GIS - Mô hình hóa trong quản lý tài nguyên và môi trường - Phân tích không gian	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN

19	Đỗ Văn Thanh, 1973, GVC		TS, Việt Nam	Địa lí tự nhiên	- Cơ sở viễn thám và GIS - Tin học ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường - Mô hình hóa trong quản lý tài nguyên và môi trường - Phân tích không gian	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
20	Nguyễn Thanh Xuân, 1983, GVC		TS, Việt Nam	Giáo dục địa lí	- Bản đồ học - Tin học ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường - Lập trình ứng dụng trong GIS và Viễn thám - Hệ thống quản lý thông tin trong quản lý tài nguyên và môi trường	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
21	Nguyễn Văn Mạnh, 1990, GV		TS, Đài Loan	Địa tin học	- Viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường - Mô hình hóa trong quản lý tài nguyên và môi trường - Lập trình ứng dụng trong GIS và Viễn thám - Hệ thống quản lý thông tin trong quản lý tài nguyên và môi trường	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
22	Ngô Thị Hải Yến, 1975, GVCC	PGS	TS, Việt Nam	Giáo dục địa lí	- Phương pháp nghiên cứu khoa học	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
23	Nguyễn Phương Thảo, 1987, GVC		TS, Đức	Giáo dục địa lí	- Phương pháp nghiên cứu khoa học	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
24	Kiều Văn Hoan, 1976, GVCC	PGS	TS, Việt Nam	Giáo dục địa lí	- Truyền thông và giáo dục tài nguyên và môi trường	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
25	Đoàn Thị Thanh Phương, 1977, GVC		TS, Việt Nam	Giáo dục địa lí	- Truyền thông và giáo dục tài nguyên và môi trường	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
26	Nguyễn Tú Linh, 1980		TS, Việt Nam	Giáo dục địa lí	- Truyền thông và giáo dục tài nguyên và môi trường	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng dẫn KLTN
27	Đặng Tiên Dung		TS, Việt Nam	Giáo dục địa lí	- Truyền thông và giáo dục tài nguyên và môi trường	Giảng viên cơ hữu, giảng dạy, hướng

						dẫn KLTN
--	--	--	--	--	--	----------

3.3. Điều kiện về cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của Trường và Khoa hiện đáp ứng tốt các yêu cầu để triển khai chương trình đào tạo ngành Địa lí Tài nguyên và Môi trường.

Hệ thống phòng học của Trường được bố trí đầy đủ với tổng số 240 phòng, trang bị máy chiếu, điều hòa và hệ thống âm thanh, bảo đảm điều kiện giảng dạy ổn định, hiện đại. Không gian học tập được duy trì an toàn, thông thoáng và tuân thủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy. Khoa sở hữu 04 phòng bộ môn trọng điểm, được trang bị thiết bị hiện đại và phần mềm chuyên ngành, phục vụ nghiên cứu chuyên sâu và thực hành nâng cao, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, Khoa còn có 02 phòng hội nghị, hội thảo dùng chung với Khoa Giáo dục Quốc phòng, diện tích khoảng 300 m², phục vụ hiệu quả các hoạt động thảo luận, hội thảo và gặp gỡ học thuật, đồng thời bảo đảm đáp ứng kịp thời các nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên.

Nguồn học liệu của Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tương đối phong phú và đa dạng, bao gồm cả tài liệu in và tài nguyên điện tử. Hệ thống cơ sở dữ liệu trực tuyến và các kho học liệu số giúp sinh viên và giảng viên tiếp cận các tài liệu cập nhật, phục vụ hiệu quả cho học tập và nghiên cứu. Hằng năm, Khoa đều đề xuất Trung tâm Thông tin - Thư viện mua bổ sung các giáo trình và tài liệu tham khảo mới, bảo đảm cung cấp đầy đủ tư liệu thiết yếu đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên. Hiện nay, phòng tư liệu của Khoa đã trang bị hàng trăm giáo trình và tài liệu tham khảo liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường, sẵn sàng phục vụ giảng dạy và nghiên cứu ngay khi mã ngành được phê duyệt.

Hạ tầng công nghệ thông tin của Trường được đầu tư đồng bộ và hiện đại, với hệ thống wifi phủ sóng toàn trường, đảm bảo kết nối ổn định cho mọi hoạt động dạy học và nghiên cứu. Trường vận hành nền tảng quản lý học tập trực tuyến (HNUE LMS) qua cổng truy cập <https://cst.hnue.edu.vn/login/index.php>, cung cấp đầy đủ các chức năng hỗ trợ dạy - học, kiểm tra, đánh giá và quản lý lớp học một cách linh hoạt và hiệu quả. Hệ thống này giúp sinh viên và giảng viên tiếp cận tài liệu, tương tác trực tuyến, tham gia các hoạt động học tập số và thực hành nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy.

Với điều kiện cơ sở vật chất hiện có, Trường và Khoa hoàn toàn bảo đảm đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình đào tạo ngành Địa lí Tài nguyên và Môi trường theo hướng hiện đại, chất lượng và phù hợp với chiến lược phát triển chung của Nhà trường.

3.4. Chương trình đào tạo

3.4.1. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Địa lí Tài nguyên và Môi trường có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực chuyên môn vững vàng về lĩnh vực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; có kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ địa lí để phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp cho các vấn đề liên quan đến tài nguyên và môi trường; có

khả năng làm việc trong môi trường đa ngành, đa văn hóa, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Mục tiêu cụ thể

Chương trình Địa lí Tài nguyên và Môi trường đáp ứng các mục tiêu cụ thể sau:

PO1: Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và ý thức phát triển bền vững trên nền tảng tri thức khoa học chính trị, xã hội và nhân văn.

PO2: Có nền tảng kiến thức chuyên sâu về địa lí tài nguyên và môi trường; có kỹ năng thực hành, nghiên cứu và ứng dụng trong những bối cảnh cụ thể và vì sự phát triển bền vững.

PO3: Có năng lực nghiên cứu khoa học với tư duy hệ thống và tư duy không gian; có khả năng truyền đạt và phổ biến kiến thức chuyên môn cho cộng đồng.

PO4: Có năng lực sử dụng tiếng Anh và công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn.

PO5: Có khả năng quản lí - lãnh đạo, học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp để thích ứng với những thay đổi của thị trường lao động.

3.4.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và ma trận kết nối với mục tiêu đào tạo

Chương trình Địa lí Tài nguyên và Môi trường đáp ứng các chuẩn đầu ra sau:

PLO1: Vận dụng được kiến thức lí luận chính trị, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước để thể hiện lập trường, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

PLO2: Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn trong học tập, nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản lí tài nguyên - môi trường.

PLO3: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng về đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững trong nghiên cứu và thực hành quản lí tài nguyên - môi trường.

PLO4: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về địa lí tài nguyên và môi trường để phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp cho các vấn đề liên quan đến quản lí tài nguyên và môi trường.

PLO5: Vận dụng được các phương pháp, công cụ và kỹ thuật nghiên cứu địa lí tài nguyên - môi trường trong điều tra, phân tích và giám sát tài nguyên - môi trường.

PLO6: Khởi xướng được ý tưởng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lí tài nguyên - môi trường.

PLO7: Tham gia phổ biến kiến thức về địa lí tài nguyên và môi trường cho cộng đồng.

PLO8: Sử dụng được tiếng Anh và công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn.

PLO9: Tổ chức được các hoạt động nghiên cứu và các dự án liên quan đến lĩnh vực quản lí tài nguyên - môi trường.

PLO10: Tham gia hiệu quả vào các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong bối cảnh kinh tế hiện đại, nâng cao tính cạnh tranh và giá trị thực tiễn của chương trình đào tạo.

Ma trận kết nối mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mục tiêu của chương trình (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)
PO1: Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và ý thức phát triển bền vững trên nền tảng tri thức khoa học chính trị, xã hội và nhân văn.	PLO1: Vận dụng được kiến thức lí luận chính trị, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước để thể hiện lập trường, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.
	PLO2: Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn trong học tập, nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản lí tài nguyên - môi trường.
	PLO3: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng về đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững trong nghiên cứu và thực hành quản lí tài nguyên - môi trường.
PO2: Có nền tảng kiến thức chuyên sâu về địa lí tài nguyên và môi trường; có kỹ năng thực hành, nghiên cứu và ứng dụng trong những bối cảnh cụ thể và vì sự phát triển bền vững.	PLO4: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về địa lí tài nguyên và môi trường để phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp cho các vấn đề liên quan đến quản lí tài nguyên và môi trường.
	PLO5: Vận dụng được các phương pháp, công cụ và kỹ thuật nghiên cứu địa lí tài nguyên - môi trường trong điều tra, phân tích và giám sát tài nguyên - môi trường.
PO3: Có năng lực nghiên cứu khoa học với tư duy hệ thống và tư duy không gian; có khả năng truyền đạt và phổ biến kiến thức chuyên môn cho cộng đồng.	PLO6: Khởi xướng được ý tưởng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lí tài nguyên - môi trường.
	PLO7: Tham gia phổ biến kiến thức về địa lí tài nguyên và môi trường cho cộng đồng.
PO4: Có năng lực sử dụng tiếng Anh và công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn.	PLO8: Sử dụng được tiếng Anh và công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn.
PO5: Có khả năng quản lí - lãnh đạo, học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp để thích ứng với những thay đổi của thị trường lao động.	PLO9: Tổ chức được các hoạt động nghiên cứu và các dự án liên quan đến lĩnh vực quản lí tài nguyên - môi trường.
	PLO10: Tham gia hiệu quả vào các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong bối cảnh kinh tế hiện đại, nâng cao tính cạnh tranh và giá trị thực tiễn của chương trình đào tạo.

3.4.3 Cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường

Sinh viên tốt nghiệp chương trình Địa lí Tài nguyên và Môi trường có khả năng đảm nhiệm nhiều vị trí công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp,

doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và các dự án quốc tế trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Các nhóm cơ hội việc làm chủ yếu gồm:

- Chuyên viên tại các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường: Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Phòng Kinh tế cấp xã, phường; ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển.

- Chuyên viên, nghiên cứu viên tại các đơn vị sự nghiệp công lập: Các trung tâm quan trắc môi trường; trung tâm phát triển quỹ đất; đơn vị quy hoạch, điều tra, đánh giá tài nguyên, các tổ chức phi chính phủ.

- Chuyên gia, nhà tư vấn tại các công ty tư vấn môi trường; doanh nghiệp công nghệ môi trường; đơn vị tư vấn quy hoạch, đánh giá tác động môi trường; các doanh nghiệp trong khu công nghiệp và khu chế xuất có bộ phận quản lý môi trường.

- Giảng viên giảng dạy tại các trường cao đẳng, đại học có chuyên ngành Địa lý tài nguyên môi trường.

Bên cạnh triển vọng nghề nghiệp rộng mở, chương trình còn tạo nền tảng học thuật vững chắc để người học tiếp tục theo đuổi các bậc học cao hơn như thạc sĩ và tiến sĩ trong nhiều chuyên ngành thuộc các lĩnh vực Khoa học Trái Đất (Địa lý tự nhiên; Bản đồ - Viễn thám và Hệ thống thông tin địa lý; Địa lý Tài nguyên và Môi trường,...), Xã hội học và Nhân học (Địa lý học), cũng như Môi trường và Bảo vệ môi trường (Quản lý Tài nguyên và Môi trường). Lộ trình đào tạo liên thông và định hướng nghiên cứu này giúp người học phát triển năng lực khoa học, tư duy phân tích, khả năng ứng dụng công nghệ và giải quyết vấn đề thực tiễn. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để hình thành đội ngũ giảng viên, chuyên gia và nghiên cứu viên có trình độ cao - lực lượng chủ chốt phục vụ cho các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và các đơn vị đào tạo trong lĩnh vực khoa học Trái Đất, tài nguyên và môi trường. Điều này góp phần khẳng định sự cần thiết và tính bền vững của việc mở ngành trong bối cảnh hiện nay.

3.4.4. Khái quát chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Địa lý Tài nguyên và Môi trường, ngành Địa lý học (trình độ đại học) của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được xây dựng trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm: Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 ban hành Quy chế về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ; Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh và thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học; và Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

Ngoài việc tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện, trình tự và thủ tục mở ngành đào tạo, Hội đồng xây dựng chương trình đã tham khảo các chương trình Địa lý Tài nguyên và Môi trường từ nhiều trường đại học trong nước và quốc tế. Trong nước, Hội đồng đã nghiên cứu các chương trình của một số trường tiêu biểu, bao gồm: Trường Đại học Tài nguyên - Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Tự

nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế và Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh. Ở phạm vi quốc tế, các chương trình tham khảo gồm Ball State University (Hoa Kỳ), University of Hawai'i at Manoa (Hoa Kỳ), Wageningen University (Hà Lan), University of Queensland (Úc) và University of British Columbia (Canada). Quá trình tham khảo này cho phép Hội đồng kế thừa ưu điểm, đồng thời điều chỉnh và bổ sung nội dung sao cho phù hợp với định hướng phát triển của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động và đảm bảo chương trình đào tạo mang tính cập nhật, định hướng ứng dụng cao.

a) Cấu trúc của chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ (chưa bao gồm kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Giáo dục pháp luật), phân bổ thành 8 học kỳ trong 4 năm.

TT	Khối học vấn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)
O	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Giáo dục pháp luật		
1	Khối học vấn chung toàn trường	25	19.7
2	Khối học vấn nhóm ngành KHXH	10	7.9
3	Khối học vấn cơ sở ngành	36	28.3
4	Khối học vấn chuyên ngành	46	36.2
5	Thực tập, thực địa	4	3.1
6	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	6	4.7
Tổng số		127	100

b) Khung chương trình đào tạo

TT	HP	Mã HP	H ọ c k ì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự ngh/ cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiền quyế t
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
I	Khối học vấn chung			25					
1	Tâm lí học giáo dục	PSYC101	1	4	45	0	15	140	
2	Thống kê xã hội học	MATH137	2	2	20	0	10	70	
3	Triết học Mác – Lênin	PHIS105	1	3	36	0	9	105	
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POLI104	2	2	20	0	10	70	
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI106	2	2	20	0	10	70	PHIS 105,

TT	HP	Mã HP	H ọ c k ì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự ngh/ cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiền quyết
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
									POLI 104
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI202	3	2	20	0	10	70	PHIS 105, POLI 106
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI204	3	2	20	0	10	70	
8	Tự chọn			2/6					
8.1	Tiếng Việt thực hành	COMM106	1	2	10	0	20	70	
8.2	Phát triển năng lực số	COMP103	1	2	20	10	0	70	
8.3	Nghệ thuật đại cương	COMM107	1	2	15	0	15	70	
9	Ngoại ngữ 1								
9.1	Tiếng Anh 1	ENGL104	1	3	30	15	0	105	
9.2	Tiếng Trung 1	CHIN105	1	3	30	15	0	105	
9.3	Tiếng Pháp 1	FREN104	1	3	30	15	0	105	
10	Ngoại ngữ 2							105	
10.1	Tiếng Anh 2	ENGL106	2	3	28	17	0	105	ENG L104
10.2	Tiếng Trung 2	CHIN106	2	3	30	15	0	105	CHI N105
10.3	Tiếng Pháp 2	FREN106	2	3	30	15	0	105	FRE N104
11	Giáo dục thể chất 1	PHYE150	1	1	2	26		22	
12	Giáo dục thể chất 2	PHYE151	2	1	2	26		22	
13	Giáo dục thể chất 3	PHYE250	3	1	2	26		22	
14	Giáo dục thể chất 4	PHYE251	4	1	2	26		22	
15	Đường lối quốc phòng và an ninh của	DEFE105		3	33	9	3	105	

TT	HP	Mã HP	H ọ c k ì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự ngh/ cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
	Đảng Cộng sản Việt Nam								
16	Công tác quốc phòng và an ninh	DEFE106		2	25	0	5	70	
17	Quân sự chung	DEFE205		2	25	0	5	70	
18	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	DEFE206		4	30	0	15	155	
19	Giáo dục pháp luật	PILI102		2	Tổ chức giảng dạy trong tuần Sinh hoạt Công dân và các tuần Rèn luyện nghiệp vụ				
II	Khối học văn chung của nhóm ngành Khoa học Xã hội			10					
19	Cơ sở văn hóa Việt Nam	COMM105	1	2	26		4	70	
20	Nhập môn Khoa học Xã hội và Nhân văn	COMM103	1	2	26		4	70	
21	Nhân học đại cương	COMM108	2	2	26		4	70	
22	Xã hội học đại cương	COMM109	2	2	20		10	70	
23	Lịch sử văn minh thế giới	COMM110	1	2	22		8	70	
III	Khối học văn cơ sở ngành			36					
III.1	Bắt buộc			30					
24	Cơ sở địa lí tự nhiên 1	GEOG123G	2	4	55		5	140	
25	Cơ sở địa lí tự nhiên 2	GEOG127G	2	3	33		12	105	
26	Cơ sở địa lí tự nhiên 3	GEOG128G	2	3	40		5	105	

TT	HP	Mã HP	H ọ c k ì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự ngh/ cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiền quyết
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
27	Cơ sở địa lí kinh tế - xã hội 1	GEOG311G	5	3	35		10	105	
28	Cơ sở địa lí kinh tế - xã hội 2	GEOG314G	5	3	35		10	105	
29	Bản đồ học	GEOG121G	2	2	26		4	70	
30	Phương pháp nghiên cứu khoa học	GEOG332G	3	3	35		10	105	
31	Thống kê ứng dụng trong tài nguyên – môi trường	GEOG7301	3	3	30		15	105	
32	Tin học ứng dụng trong tài nguyên -- môi trường	GEOG7302	3	3	40		5	105	
33	Luật và chính sách tài nguyên – môi trường	GEOG7303	3	3	30		15	105	
III.2	Tự chọn			6					
34	Cơ sở phát triển bền vững	GEOG7304	2	2	20		10	70	
35	Năng lượng tái tạo và ứng dụng	GEOG7305	2	2	21		9	70	
36	Kinh tế tài nguyên và môi trường	GEOG7307	3	2	15		15	70	
37	Môi trường và con người	GEOG7308	3	2	25		5	70	
IV	Khối học văn chuyên ngành			46					
IV.1	Bắt buộc			36					
38	Địa lí tự nhiên Việt Nam	GEOG240G	4	3	40		5	105	
39	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1	GEOG330G	5	4	40		20	140	
40	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2	GEOG451G	6	3	35		10	105	
41	Cơ sở viễn thám và GIS	GEOG320G	4	4	55		5	140	

TT	HP	Mã HP	H ọ c k ì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự ngh/ cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiền quyết
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
42	Quản lí tổng hợp tài nguyên và môi trường vùng ven biển	GEOG7307	4	3	40		5	105	
43	Tài nguyên khoáng sản và năng lượng	GEOG7308	6	3	33		12	105	
44	Môi trường đô thị và khu công nghiệp	GEOG7309	7	3	35		10	105	
45	Môi trường nông nghiệp và nông thôn	GEOG7310	7	3	35		10	105	
46	Viễn thám và GIS trong quản lí Tài nguyên và Môi trường	GEOG7311	4	4	44		16	140	
47	Khảo sát xã hội trong tài nguyên – môi trường	GEOG7312	7	3	35		10	105	
48	Truyền thông và giáo dục tài nguyên - môi trường	GEOG7313	6	3	30		15	105	
IV.2	Tự chọn			10					
49	Biến đổi khí hậu và thiên tai	GEOG7314	5	2	18		12	70	
50	Mô hình hóa trong quản lí tài nguyên – môi trường	GEOG7315	6	2	26		4	70	
51	Quản lí tài nguyên dùng chung	GEOG7316	6	2	25		5	70	
52	Phân tích không gian	GEOG7317	5	2	26		4	70	
53	Quản trị dự án tài nguyên – môi trường	GEOG7318	7	2	20		10	70	
54	Phân tích định tính trong tài nguyên – môi trường	GEOG7319	5	2	15		15	70	
55	Lập trình ứng dụng trong GIS và Viễn thám	GEOG7320	7	2	16		14	70	

TT	HP	Mã HP	H ọ c k ì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự ngh/ cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiền quyết t
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
56	Các vấn đề toàn cầu về tài nguyên và môi trường	GEOG7321	6	2	24		6	70	
57	GeoAI trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	GEOG7326	7	2	26		4	70	
V	Thực tập, thực địa			4					
58	Thực địa: Khảo sát tài nguyên – môi trường tại địa phương	GEOG7322	8	2	6	12	12	70	
59	Thực tập: Làm việc tại cơ quan/tổ chức	GEOG7327	8	2					
VI	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần tương đương			6					
60	Khóa luận tốt nghiệp			6					
61	Các học phần tương đương			6					
61.1	Dịch vụ hệ sinh thái	GEOG7323	8	2	20		10	70	
61.2	Quản lí xung đột tài nguyên	GEOG7324	8	2	25		5	70	
61.3	Hệ thống quản lí thông tin trong quản lí Tài nguyên và Môi trường	GEOG7325	8	2	23		7	70	
	Tổng			127					

c) Quy mô tuyển sinh

Căn cứ vào nhu cầu đào tạo, năng lực của đội ngũ giảng viên, khả năng hợp tác đào tạo và điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo hiện có, Khoa Địa lý dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm tới như sau:

Năm học	Số lượng chỉ tiêu dự kiến
2026 - 2027	70
2027 - 2028	70
2028 - 2029	70

2029 - 2030	70
2030 - 2031	80

Khoa sẽ tổ chức lấy ý kiến khảo sát, phân tích, rút kinh nghiệm; đồng thời rà soát, điều chỉnh chương trình và kế hoạch đào tạo ngay sau khi khóa đào tạo đầu tiên kết thúc.

IV. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

** Về nguồn nhân lực*

Khoa có tổng cộng 27 giảng viên, trong đó có 06 phó giáo sư, 18 tiến sĩ và 03 thạc sĩ. Các giảng viên trong khoa đều có thể tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình Địa lí tài nguyên và môi trường. Tuy nhiên, rủi ro có thể có trong thời gian tới do sự cạnh tranh của thị trường lao động, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia luôn được quan tâm, thu hút giữa môi trường công lập và môi trường ngoài công lập; khó khăn đối với Nhà trường trong việc thực hiện chế độ đãi ngộ với cán bộ giảng viên, chuyên gia do những quy định hiện hành đối với cơ sở đào tạo công lập, ... dẫn đến có thể dẫn đến những biến động về đội ngũ theo hướng làm thiếu hụt lực lượng giảng viên cơ hữu.

Biện pháp khắc phục và ngăn ngừa những rủi ro trên:

- Tăng cường công tác truyền thông và tuyển dụng, trong đó ưu tiên tuyển dụng các ứng viên đã có học vị tiến sĩ chuyên ngành Địa lí
- Xây dựng kế hoạch tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc hoặc loại giỏi do Khoa đào tạo. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để tạo nguồn kế cận.
- Mời các chuyên gia thỉnh giảng các học phần chuyên sâu về quản lí tài nguyên và môi trường nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng hiệu quả trong dạy và học. Tạo điều kiện cho người học có điều kiện tiếp xúc với các nghiên cứu chuyên sâu, đa dạng và gắn với thực tiễn.

** Về nguồn tuyển sinh*

Theo kế hoạch đề ra, trong năm học đầu tiên số lượng tuyển sinh dự kiến là 70 sinh viên, và sẽ giữ liên tục mức tuyển sinh trong 4 năm đầu. Bắt đầu từ năm thứ 5 dự kiến số lượng tuyển sinh sẽ tăng lên là 80 sinh viên. Tuy nhiên đây cũng là một thách thức lớn đối với cơ sở đào tạo vì trên thực tế lĩnh vực tài nguyên và môi trường đang được giảng dạy ở nhiều cơ sở giáo dục như Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Đại học nông lâm – Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Vinh, Trường đại học tài nguyên và môi trường, Trường đại học nông lâm thành phố Hồ Chí Minh,

Biện pháp để phòng ngừa rủi ro về nguồn tuyển sinh:

- Chú trọng xây dựng hình ảnh tích cực, có thương hiệu đối với sinh viên đã và đang theo học tại Trường.
- Tập trung đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo; đảm bảo quyền lợi cho người học.
- Tăng cường đầu tư cho công tác tư vấn, quảng bá, truyền thông tuyển sinh, trong đó trước hết tập trung, chú trọng đến các nguồn là sinh viên của Khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tăng cường phối hợp với các cơ sở nghiên cứu, địa phương, trường THPT để cùng truyền thông và quảng bá tuyển sinh.

** Về vận hành*

Với kinh nghiệm trong tổ chức đào tạo, Trường và Khoa tiếp tục học hỏi các mô hình đào tạo trình độ cử nhân của các trường khác để đảm bảo tính linh hoạt trong vận hành chương trình. Trước hết, các vấn đề về nguồn lực tài chính, nguồn lực nhân sự được hoạch định rõ ràng và khai thác hiệu quả nhằm phòng tránh sự thiếu hụt ở một giai đoạn nào đó trong tương lai.

Trong trường hợp thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hoành hành,... không thể tổ chức dạy học trực tiếp, Nhà trường có hệ thống phòng máy tính, hệ thống LMS tại địa chỉ <http://cst.hnue.edu.vn> và phần mềm hỗ trợ để chuyển sang dạy học trực tuyến. Đáng chú ý, hệ thống và phần mềm này đã thực hiện nhiệm vụ khá tốt trong điều kiện dịch bệnh COVID-19 hoành hành trong hai năm học vừa qua, đã giúp hoạt động dạy học của Nhà trường cơ bản không bị gián đoạn.

Trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động đào tạo thì tùy từng nguyên nhân cụ thể Nhà trường và Khoa sẽ nghiên cứu và tìm giải pháp khắc phục để giải trình, thỏa mãn điều kiện yêu cầu; trường hợp đặc biệt, Trường và Khoa cam kết thực hiện các biện pháp theo quy định nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên Nhà trường.

V. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

1. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Đề xuất mở ngành Địa lí học, chương trình đào tạo Địa lí Tài nguyên và Môi trường của Khoa Địa lí phù hợp với chủ trương, chiến lược phát triển của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; đồng thời đáp ứng xu thế phát triển của đất nước và nhu cầu của xã hội.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện để tổ chức đào tạo ngành Địa lí học, chương trình Địa lí Tài nguyên và Môi trường theo quy định hiện hành.

Kính đề nghị Hội đồng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội xem xét, cho phép mở ngành Địa lí học, chương trình Địa lí Tài nguyên và Môi trường, trình độ đại học, mã số: 7310501, để triển khai tuyển sinh và đào tạo từ năm học 2026 - 2027.

2. Cam kết triển khai thực hiện

Khoa Địa lí - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cam kết tổ chức triển khai thực hiện và bảo đảm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chất lượng đào tạo như đã trình bày trong Đề án. Đồng thời, Khoa sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục trong nước và khu vực, cũng như nâng cao cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp.

Quy trình đào tạo được thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của Trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tin về Đề án mở ngành đào tạo sau khi

được phê duyệt sẽ được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo;
- Lưu Văn phòng Khoa.

TRƯỞNG KHOA

(Kí và ghi rõ học hàm, học vị, họ và tên)



PGS.TS. Nguyễn Quyết Chiến



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn